

Bản án số: 09/2022/KDTM-ST

Ngày: 24-01-2022

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Bích Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thủy.

2. Bà Trần Thị Minh Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đài Trang là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Ngọc Liên Hương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 và ngày 24 tháng 01 năm 2022, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 135/2020/TLST-KDTM ngày 12 tháng 11 năm 2020 về : “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 405/2021/QĐXXST-KDTM ngày 20 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Thương mại Dịch vụ A; Trụ sở: Đường B, Phường M, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đinh Thị Bích H; địa chỉ: Đường Q, Phường Y, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt)

Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn K; Trụ sở: Đường N, Phường I, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Vũ Vân U; địa chỉ: Đường N, Phường I, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh – Giám đốc. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02 tháng 10 năm 2020 cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Thương mại Dịch vụ A (sau đây gọi là nguyên đơn) do bà Đinh Thị Bích H là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 29/07/2019, nguyên đơn và Công ty Trách nhiệm hữu hạn K (sau đây gọi là bị đơn) ký kết Hợp đồng nguyên tắc về việc bị đơn đồng ý giao cho nguyên đơn làm đại diện phân phối trên toàn lãnh thổ Việt Nam các mặt hàng bánh kẹo có xuất xứ từ Thái Lan theo danh mục hàng hóa do bị đơn nhập về. Theo đó, nguyên đơn sẽ gửi đơn đặt hàng và hàng hóa sẽ được giao đến kho cho nguyên đơn

trong vòng 48 tiếng sau khi bị đơn nhận được thông báo nguyên đơn đã chuyển khoản thanh toán.

Sau khi ký kết hợp đồng, hai bên đã ký xác nhận đơn đặt hàng số 01/0819-ĐH ngày 29/7/2019, nguyên đơn đã chuyển cho bị đơn để thực hiện việc mua bán theo đơn đặt hàng như sau:

- Ngày 30/07/2019, chuyển số tiền là 300.000.000đồng (Ba trăm triệu đồng).
- Ngày 26/08/2019, chuyển số tiền là 200.000.000đồng (Hai trăm triệu đồng).
- Ngày 30/08/2019, chuyển số tiền là 130.000.000đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng).

Sau khi nhận số tiền như nêu trên thì bị đơn không giao hàng cho nguyên đơn như Hợp đồng đã ký kết mà tự ý bán số hàng hóa nhập từ Thái Lan về và chuyển lại tiền bán hàng cho nguyên đơn là:

+ Ngày 25/8/2019 chuyển 02 lần tiền bán hàng là: 100.000.000đồng (mỗi lần chuyển 50.000.000đồng)

+ Ngày 26/8/2019 chuyển tiền bán hàng là : 50.000.000đồng

Sau khi trừ số tiền bán hàng như nêu trên, bị đơn còn nợ tiền mua hàng hóa của nguyên đơn là: 630.000.000đồng - 150.000.000đồng = 480.000.000 đồng nhưng đến thời điểm hiện nay vẫn không giao số hàng tương ứng với số tiền còn thiếu lại 480.000.000đồng.

Do bị đơn vi phạm hợp đồng đã giao kết nên nguyên đơn khởi kiện với các yêu cầu:

Yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền là: 480.000.000đồng và tiền lãi với lãi suất 1%/tháng tạm tính từ ngày 02/9/2019 đến ngày khởi kiện là 40.000.000đồng. Trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, ông Đinh Vũ Văn U là người đại diện theo pháp luật của bị đơn – Công ty Trách nhiệm hữu hạn K trình bày: Ông và ông P (đại diện theo pháp luật của nguyên đơn) có mối quan hệ thân quen, làm ăn chung nhiều năm nên khi biết ông có nhập bánh kẹo từ Thái Lan về kinh doanh nên rủ cùng làm ăn chung, ông cũng là thành viên góp vốn của nguyên đơn. Bị đơn xác nhận có ký hợp đồng nguyên tắc ngày 29/7/2019 cũng như có nhận số tiền 630.000.000 đồng như đại diện nguyên đơn trình bày. Sau khi nhận được hàng từ Thái Lan nhập về, phía bị đơn đã chuyển cho nguyên đơn 02 lô hàng như sau:

- Ngày 01/8/2019 đã chuyển 1000 thùng bánh Macc loại 5 kg (tương đương 1700 thùng loại 60g/gói) tới kho hàng của nguyên đơn ở đường Đỗ Nhuận quận Tân Phú .

- Ngày 24/9/2019 đã chuyển tiếp 1000 thùng bánh Tomyum loại 5 kg/thùng (tương đương 1700 thùng loại 60g/gói) về kho của nguyên đơn.

Như vậy, bị đơn đã chuyển đầy đủ 3.400 thùng hàng được thể hiện thông qua những tin nhắn giữa ông và ông P, những buổi họp trực tuyến về việc triển khai bán hàng của nguyên đơn, hình ảnh giao nhận hàng.... . Tuy nhiên, do mối quan hệ thân tình và tin tưởng nên khi ông P ủy quyền cho ông trực tiếp nhận hàng cũng như việc ký nhận đã giao nhận đủ hàng để nhập hàng về kho của nguyên đơn không có lập bất cứ văn bản gì.

Về số tiền chuyển 02 lần là 150.000.000 đồng: Ông đã nhập hàng đầy đủ cho phía nguyên đơn, do bản thân ông cũng là thành viên góp vốn của nguyên đơn nên ông đã được ủy quyền thực hiện việc xuất bán cho các khách hàng ở các tỉnh thành khác và chuyển lại tiền bán hàng cho nguyên đơn, đây là số tiền ông góp vốn vào Công ty, không liên quan gì đến hợp đồng nguyên tắc mà hai bên đã ký.

Bị đơn đã thực hiện đầy đủ việc giao hàng nên không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bà Đinh Thị Bích H – đại diện nguyên đơn trình bày: Theo hợp đồng nguyên tắc và đơn đặt hàng số 01/0819-ĐH cùng ngày 29/7/2019 thì tổng giá trị hợp đồng đã bao gồm thuế VAT là 985.490.000đồng. Do ông U cũng là thành viên góp vốn của nguyên đơn nên ông P và ông U thỏa thuận miệng là phía ông P và một thành viên góp vốn khác sẽ góp vốn để Công ty thanh toán 630.000.000 đồng cho bị đơn, phía ông U sẽ góp vào công ty số tiền ứng với số tiền còn lại theo tổng giá trị đơn hàng trên. Tại đơn khởi kiện, phía nguyên đơn cần trừ số tiền 150.000.000 đồng vào tiền hàng nguyên đơn đã thanh toán và chỉ yêu cầu bị đơn trả lại số tiền 480.000.000 đồng. Tuy nhiên, do phía bị đơn xác định số tiền 150.000.000 đồng là phần góp vốn của cá nhân ông U vào nguyên đơn, không liên quan gì đến hợp đồng nguyên tắc đã ký nên nguyên đơn không cần trừ vào số tiền đã thanh toán. Do đó, số tiền bị đơn phải trả lại nguyên đơn là 630.000.000đồng. Riêng khoản tiền 150.000.000 đồng là tiền ông U góp vốn vào Công ty, số tiền này sẽ giải quyết riêng khi các thành viên góp vốn có tranh chấp. Đối với tiền lãi, nguyên đơn yêu cầu lãi 1%/tháng, tính từ lúc sau 48 giờ kể từ khi thanh toán tiền hàng đến ngày xét xử. Riêng số tiền 300.000.000 đồng bị đơn chuyển vào ngày 30/7/2019, nguyên đơn chỉ tính lãi trên số tiền 150.000.000 đồng. Số tiền lãi cụ thể như sau:

- Số tiền 300.000.000đồng chuyển vào ngày 30/7/2019: Nguyên đơn chỉ tính trên số tiền 150.000.000 đồng tính từ ngày 29/8/2019: $150.000.000đ \times 1\% / \text{tháng} \times 28 \text{ tháng} \times 19 \text{ ngày}$ (tính lãi từ ngày 29/8/2019 đến 17/01/2022) = 42.919.355 đồng

- Số tiền 200.000.000 đồng chuyển vào ngày 26/8/2019: $200.000.000đ \times 1\% / \text{tháng} \times 28 \text{ tháng} \times 19 \text{ ngày}$ (tính lãi từ ngày 29/8/2019 đến 17/01/2022) = 57.225.806 đồng

- Số tiền 130.000.000 đồng chuyển vào ngày 30/8/2019: $130.000.000đ \times 1\% / \text{tháng} \times 28 \text{ tháng} \times 14 \text{ ngày}$ (tính lãi từ ngày 03/9/2019 đến 17/01/2022) = 36.987.097đồng

Tổng số tiền gốc và lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là:

$$630.000.000đ + 137.132.258đ = 767.132.258 \text{ đồng}$$

Ông Đinh Vũ Văn U – đại diện bị đơn trình bày: Trước khi hai bên ký hợp đồng nguyên tắc và đơn đặt hàng số 01/0819-ĐH cùng ngày 29/7/2019, ông đã nhập về sẵn lô hàng 1700 thùng bánh Macc. Do nguyên đơn đã chuyển 630.000.000 đồng nên với tư cách là thành viên góp vốn, cá nhân ông sẽ góp vốn bằng giá trị còn lại của lô hàng bánh Macc ứng với số tiền tương đương với giá trị còn lại của đơn đặt hàng này, các bên chỉ thỏa thuận miệng, không có lập biên bản. Theo các chứng từ Logistics, ông đã nhập hàng về đầy đủ và cũng đã cho giao đến nhập kho của nguyên đơn. Do lúc giao hàng là vào ban đêm, ông L – trợ lý giám đốc của nguyên đơn không có mặt được và ông cũng là thành viên góp vốn của nguyên đơn nên ông tự thực hiện việc nhận hàng và nhập vào kho của nguyên đơn. Tuy nhiên do mối quan hệ thân tình và tin tưởng nhau nên ông không có lập bất cứ văn bản gì về việc này. Tại phiên tòa, ông cung cấp thêm tập tài liệu chứng cứ (được đánh số từ 01 đến 10) và có mời ông Trương Công O là giám đốc kinh doanh của nguyên đơn đến để chứng minh việc nguyên đơn đã nhận đủ hàng và đã triển khai bán hàng thể hiện qua các tin nhắn trên nhóm kinh doanh của nguyên đơn, hình ảnh nguyên đơn bán hàng ở hội chợ, và nguyên đơn đã ủy

quyền cho ông xuất bán các sản phẩm này cho các khách hàng ở nhiều tỉnh, thành khác nhau....Do phía bị đơn đã giao hàng đúng với số tiền nguyên đơn đã chuyển nên yêu cầu của nguyên đơn là không đúng, đề nghị HĐXX không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Bà Đinh Thị Bích H – đại diện nguyên đơn trình bày bổ sung: Không có việc nguyên đơn ủy quyền cho ông U thực hiện việc giao nhận hàng. Những hình ảnh mà ông U cung cấp thể hiện nguyên đơn bán hàng hội chợ do ông U tự nhân danh phía nguyên đơn để bán hàng, phía nguyên đơn từ khi thành lập đến nay chưa tham gia bất kỳ hội chợ nào, ông O không phải là nhân viên của nguyên đơn. Tất cả những tài liệu, chứng cứ mà ông U cung cấp không có giá trị nên phía nguyên đơn đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng quy định của pháp luật và tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, đại diện bị đơn cung cấp thêm một số tài liệu, chứng cứ mới và có mời ông Trương Công O để chứng minh việc bị đơn đã giao hàng đầy đủ ứng với số tiền nguyên đơn đã thanh toán. Tuy nhiên, các tài liệu chứng cứ mới này không có gì mới so với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và việc ông Bảo xác nhận tuy là giám đốc phụ trách kinh doanh của nguyên đơn nhưng không có giao kết hoặc ký hợp đồng lao động nào do đó lời trình bày của bị đơn là không có căn cứ xem xét. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của đại diện nguyên đơn tại phiên tòa ngày hôm nay về yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc 630.000.000 đồng, số tiền lãi, mức lãi suất, thời gian tính lãi là phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn và bị đơn có ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa thông qua hợp đồng nguyên tắc phân phối một số sản phẩm bánh kẹo của Thái Lan, đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” phát sinh phục vụ trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận nên đã hình thành quan hệ pháp luật kinh doanh thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện bị đơn có địa chỉ trụ sở chính tại quận Tân Bình nên Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về việc tham gia phiên tòa của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: Trong vụ án này, Tòa án có thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán số tiền gốc 480.000.000 đồng, thấy: Theo lời trình bày của nguyên đơn cũng như xác nhận của bị đơn thể hiện việc nguyên đơn có chuyển cho nguyên đơn số tiền 630.000.000 đồng để thanh toán cho việc mua bán theo hợp đồng và đơn đặt hàng đã được ký kết. Theo Điều 2: Phương thức thực hiện có nội dung thỏa thuận: "... bên A chịu trách nhiệm bốc dỡ hàng xuống cửa kho của bên B, việc kiểm tra và đưa hàng vào kho sẽ do bên B tự phân công người thực hiện..." Như vậy, theo thỏa thuận thì phía nguyên đơn sẽ tự thực hiện việc kiểm tra và đưa hàng vào kho. Phía bị đơn trình bày do hàng chuyển đến kho vào ban đêm, người phụ trách nhận hàng của nguyên đơn không đến được nên ông tự thực hiện việc nhận hàng của bị đơn và chuyển vào kho của nguyên đơn nhưng không có bất cứ chứng cứ nào chứng minh đồng thời bản thân ông cũng là người đại diện theo pháp luật của bị đơn là chủ thể có trách nhiệm phải giao hàng theo đơn đặt hàng nhưng khi giao hàng lại không lập biên bản xác nhận đã giao nhận hàng đầy đủ có nghĩa là không chứng minh được việc đã thực hiện trách nhiệm giao hàng của mình. Đối với các chứng cứ, tài liệu phía bị đơn nộp trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa: Đối với ông Trương Công O, phía bị đơn và ông O trình bày ông O là giám đốc kinh doanh của nguyên đơn nhưng không xuất trình được chứng cứ cũng như nguyên đơn xác định không có phát sinh quan hệ pháp luật lao động với ông Bảo nên lời trình bày không có giá trị chứng cứ. Các nội dung tin nhắn, một số hình ảnh được bị đơn cung cấp chỉ thể hiện việc kế hoạch khai trương, dự đoán việc kinh doanh, hình ảnh sản phẩm tại kho, hình ảnh ông Hùng chụp chung với ông P và một số người khác.... Mà không thể hiện nội dung gì liên quan thể hiện việc bị đơn đã giao hàng cho nguyên đơn. Như vậy bị đơn không chứng minh được việc mình đã giao hàng có nghĩa đã vi phạm nghĩa vụ giao hàng theo Điều 34 của Luật Thương mại.

Đối với số tiền 150.000.000 đồng bị đơn đã chuyển cho nguyên đơn: Tại phiên tòa, cả nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận số tiền này là tiền cá nhân ông U chuyển từ tiền bán hàng để góp vốn vào nguyên đơn, không phải tiền do bị đơn chuyển trả lại đối với số tiền nguyên đơn đã thanh toán cho hợp đồng nguyên tắc và đơn đặt hàng hai bên đã ký. Xét các bên không có yêu cầu về số tiền này nên HĐXX không xem xét, giải quyết. Các tranh chấp phát sinh đến số tiền góp vốn này sẽ được giải quyết khi một hoặc các bên đương sự có yêu cầu.

Từ những phân tích trên, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền gốc 630.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu tính lãi do chậm thanh toán: Do bị đơn vi phạm hợp đồng nên yêu cầu của nguyên đơn về việc bị đơn trả tiền lãi trên số tiền vi phạm là có cơ sở chấp nhận.

Về mức lãi suất: Theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005: "Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác".

Lãi suất chậm trả được xác định là mức lãi suất quá hạn trung bình của ít nhất ba ngân hàng tại địa phương. Theo biểu lãi suất ngày 30/11/2021 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam₅(Agribank) cung cấp về lãi suất huy động

bằng đồng Việt nam đối với nội dung cho vay phục vụ hoạt động kinh doanh trung dài hạn tối thiểu là 8,5%/năm; biểu lãi suất ngày 30/11/2021 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á (Dongabank) theo thời điểm hiện tại là 10.02%/năm và biểu lãi suất ngày 05/11/2021 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank) cho vay phục vụ hoạt động kinh doanh trung dài hạn thông thường là 11,1%/năm. Lãi trung bình của 03 Ngân hàng trên là: $(8,5\% + 10.02\% + 11.1\%)/3 = 9,87\%/năm$.

Lãi suất quá hạn theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 bằng 150%/ mức lãi suất trung bình của ba ngân hàng được tính như sau: $150\% \times 9,87\%/năm = 14,8\%/năm$ (tương đương 1,2%/tháng).

So sánh với mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu 1%/tháng là có lợi cho bị đơn nên HĐXX chấp nhận.

Về thời gian tính lãi: Theo thỏa thuận tại Điều 2 của hợp đồng nguyên tắc thì hàng sẽ được bị đơn giao đến kho nguyên đơn trong vòng 48 tiếng sau khi bị đơn nhận được thông báo đã chuyển khoản cho bị đơn. Phía bị đơn xác nhận đã nhận được tiền vào các thời điểm nguyên đơn trình bày nên thời điểm tính lãi được tính bắt đầu từ ngày thứ 3 kể từ ngày nguyên đơn chuyển tiền trên từng số tiền đã chuyển. Đối với số tiền 300.000.000 đồng nguyên đơn chuyển tiền ngày 30/7/2019 nhưng nguyên đơn tính lãi từ ngày 29/8/2019 là có lợi cho bị đơn nên HĐXX chấp nhận.

Về số tiền tính lãi: Nguyên đơn tính lãi trên số tiền của từng đợt chuyển tiền thanh toán cho bị đơn. Riêng đối với số tiền 300.000.000 đồng, nguyên đơn chỉ tính lãi trên số tiền 150.000.000 đồng. Do đó, việc bị đơn vi phạm nghĩa vụ giao hàng trên số tiền nguyên đơn đã chuyển là 630.000.000 đồng nhưng nguyên đơn chỉ tính lãi trên số tiền 480.000.000 đồng là có lợi cho bị đơn nên HĐXX chấp nhận.

Vậy số tiền lãi bị đơn phải trả:

- $150.000.000đ \times 1\% / \text{tháng} \times 28 \text{ tháng} 19 \text{ ngày} = 42.950.000 \text{ đồng}$
- $200.000.000đ \times 1\% / \text{tháng} \times 28 \text{ tháng} 19 \text{ ngày} = 57.266.667 \text{ đồng}$
- $130.000.000đ \times 1\% / \text{tháng} \times 28 \text{ tháng} 14 \text{ ngày} = 37.006.667 \text{ đồng}$

Tổng số tiền lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là: 137.223.334 đồng

Do số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu là 137.132.258 đồng thấp hơn số tiền lãi được tính theo quy định là có lợi cho bị đơn nên HĐXX chấp nhận.

[2.3] Về thời hạn và phương thức thanh toán : Xét bị đơn vi phạm hợp đồng nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn hoàn trả lại số tiền 630.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp nên được chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí trên toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã đóng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm b khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 24, 34 và Điều 306 Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Thương mại Dịch vụ A.

1.1. Công ty Trách nhiệm hữu hạn K có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Thương mại Dịch vụ A số tiền gốc 630.000.000 đồng (Sáu trăm ba mươi triệu đồng) và tiền lãi 137.132.258 đồng (Một trăm ba mươi bảy triệu một trăm ba mươi hai ngàn hai trăm năm mươi tám đồng). Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Kể từ ngày Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Thương mại Dịch vụ A có đơn yêu cầu thi hành án nếu Công ty Trách nhiệm hữu hạn K chưa thi hành khoản tiền nêu trên thì Công ty Trách nhiệm hữu hạn K phải chịu thêm tiền lãi trên số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn K phải chịu án phí 34.685.290 đồng (Ba mươi bốn triệu sáu trăm tám mươi lăm ngàn hai trăm chín mươi đồng).

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Thương mại Dịch vụ A được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.400.000 đồng (Mười hai triệu bốn trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0068622 ngày 04/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.TB;
- CCTHADS Q.TB;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (...).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Bích Thảo